

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA**

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 115/2026/TLST-VDS ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1989.

Số căn cước công dân: 038089004790.

Địa chỉ: Thôn A Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Trần Thị Thu M, sinh năm: 1997.

Số căn cước công dân: 044197000472.

Địa chỉ: Thôn A Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Thu M và kết hôn với nhau do tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào năm 2015 nhưng đến ngày 07/3/2017 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm, đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nay anh L và chị M đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Yêu cầu của anh L và chị M là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh L1 và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Huyền M1, sinh ngày 31/3/2016. Anh L1 và chị M thỏa thuận: Giao cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Huyền M1. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh L1 và chị M thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh L1 và chị M thỏa thuận anh L1 chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Thu M .

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Thu M có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Huyền M1, sinh ngày 31/3/2016. Anh L1 và chị M thỏa thuận: Giao cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Huyền M1. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Trần Thị Thu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Thu M thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Thu M thỏa thuận anh L chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh

Thanh Hóa, theo biên lai thu số 0002040 ngày 18/3/2026. Chấp nhận anh L đã nộp đủ tiền lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Dung**